

Quý Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 56

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 106.395.767.200 đồng, tương đương với 10.639.576,72 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 5 tháng 6 năm 2023 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ; thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và đo đạc phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 9,88% và 4,78% so với ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn và sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp lựa chọn các khoản đầu tư phù hợp với từng loại tài sản nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ và tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 143.304.007.478 Việt Nam đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 10.639.576,72 chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
Danh mục trái phiếu	58,97	84,37	57,19
Tài sản khác	41,03	15,63	42,81
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	143.304.007.478	89.900.883.497	90.742.562.006
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	10.639.576,72	7.334.382,59	7.937.677,65
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	13.468,95	12.257,45	11.431,87
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	13.472,25	12.257,45	11.431,87
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.226,87	11.435,65	10.843,75
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	9,88	7,22	5,50
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	1,07	-0,62	-0,40
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	8,81	7,84	5,90
10	Phần phối góp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phần phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,35	1,23	1,43
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	20,87	33,98	31,44

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
1 năm (từ 1/1/2023 đến 31/12/2023)	9,88	4,78
3 năm (từ 1/1/2021 đến 31/12/2023)	24,30	9,50
3 năm (bình quân năm)	7,52	3,07
Từ khi thành lập	34,69	15,23
Từ khi thành lập (bình quân năm)	7,01	3,28

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Năm 2023 (%)	Năm 2022 (%)	Năm 2021 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	9,88	7,22	5,50

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

GDP tăng tốc trong quý 4 năm 2023, đưa mức tăng trưởng GDP cả năm 2023 lên 5,05%, hoàn thành chỉ tiêu sau điều chỉnh và nằm trong kịch bản thấp nhất được Bộ Kế hoạch & Đầu tư nêu tại phiên họp Chính phủ cuối quý 3:

- ▶ GDP tăng 6,7% so với cùng kỳ trong quý 4 năm 2023, là mức tăng trưởng quý cuối năm cao nhất kể từ mức tăng 7,0% của quý 4 năm 2019. Tuy vậy, cho cả năm 2023, GDP chỉ tăng 5,05%, là mức tăng trưởng thấp thứ ba trong vòng 12 năm qua, chỉ cao hơn 2 năm có Covid-19. Tăng trưởng của khu vực Công nghiệp & Xây dựng (+7,4% trong quý 4 và +3,7% trong 12 tháng 2023) mặc dù đã chuyển biến tích cực nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng trung bình 6,7% của giai đoạn 5 năm 2018-2022. Trong đó, Ngành Công nghiệp Chế biến, Chế tạo chỉ tăng trưởng 3,6% so với cùng kỳ, ngành Xây dựng tăng trưởng tốt 7,1% so cùng kỳ nhờ việc đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ và ngành Khai khoáng tiếp tục giảm 3,2% cho cả năm 2023.
- ▶ Khu vực dịch vụ (42,5% GDP) là động lực tăng trưởng chính trong năm, tăng 6,8% so với cùng kỳ và đóng góp đến 62,3% vào tổng mức tăng trưởng GDP so với mức đóng góp khoảng 1/3 trong giai đoạn 5 năm trước.
- ▶ Doanh thu bán lẻ thực phẩm tăng trưởng ấn tượng 7,2% so với cùng kỳ trong quý 4, và tăng 9,6% cho cả năm 2023.
- ▶ Chỉ số PMI đã cải thiện lên 48,9 điểm trong tháng 12 nhưng vẫn ở dưới mức 50 điểm, mức suy giảm, trong suốt cả năm ngoại trừ các giai đoạn phục hồi ngắn trong tháng 2 và tháng 8.
- ▶ Xuất khẩu trong quý 4 tăng 2,3% so với quý trước nhưng cả năm 2023 vẫn giảm 4,6% so với cùng kỳ. Nhập khẩu giảm 9,2% so với cùng kỳ trong năm 2023. Thặng dư thương mại đo đó ở mức 28,3 tỷ USD cho năm 2023 (+133,1% so với cùng kỳ năm ngoái).
- ▶ Chỉ số CPI trung bình 12 tháng ở mức 3,3%, thấp hơn kế hoạch 4,5% của Chính phủ, với lạm phát cơ bản dưới 3,0%.
- ▶ Giải ngân vốn FDI cả năm 2023 tăng 3,5% so với cùng kỳ lên mức cao nhất trong lịch sử, cùng với vốn FDI đăng ký mới đạt 28,1 tỷ USD, cao nhất kể từ năm 2017. 78% vốn FDI giải ngân thuộc lĩnh vực sản xuất, điều này sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn và trung hạn.

Tỷ giá duy trì ổn định cho năm 2023 nhờ áp lực lên VND giảm bớt trong quý 4 và tăng 16 điểm cơ bản sau khi giảm 3,0% so với USD trong quý 3. Tỷ giá ổn định trong năm còn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố bao gồm thặng dư thương mại hàng hóa cao kỷ lục, vốn FDI giải ngân tăng tốt và thâm hụt thương mại dịch vụ giảm. Ngân sách Nhà nước vẫn rất vững chắc trong bối cảnh nền kinh tế vẫn cần nhiều hỗ trợ. Mặc dù tổng thu ngân sách Nhà nước giảm 5,4% so với năm trước và tổng chi ngân sách Nhà nước tăng 10,9% nhưng mức thâm hụt ngân sách 14,1 nghìn tỷ Đồng vẫn dưới mức mục tiêu đề ra.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Cả năm 2023, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 283,3 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 70,8% kế hoạch ban đầu 400 nghìn tỷ đồng. Tại thời điểm cuối năm 2023, lợi tức trái phiếu kỳ hạn 3-5 năm khoảng 1,55%, 10-15 năm khoảng 2,23%-2,43%, giảm tương ứng 310 điểm và 250 điểm phần trăm so với cuối năm 2022. Lợi tức Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn rất dài 20-30 năm cũng giảm 225-250 điểm phần trăm trong năm 2023, và kết thúc năm trong khoảng 2,9%-3,0%.

Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ, 296,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đã được phát hành thành công trong năm 2023, cao hơn khối lượng phát hành của năm 2022 là 10,7%. Ngân hàng thương mại chiếm 54,7% và doanh nghiệp bất động sản chiếm 26,4% khối lượng phát hành của toàn thị trường. Trên thị trường phát hành ra công chúng, các tổ chức phát hành chào bán 42,2 nghìn tỷ đồng và phát hành thành công 25,1 nghìn tỷ đồng, tương ứng tỉ lệ thành công 59,1% trong năm 2023. Lợi tức trái phiếu tiếp tục giảm theo lãi suất huy động tiền gửi của các tổ chức tín dụng. Lợi tức giảm mạnh nhất ở nhóm trái phiếu phát hành bởi các ngân hàng thương mại. Trái phiếu 3 năm do các ngân hàng nhóm 2 phát hành có lãi suất coupon vào khoảng 5,0%-5,8%, trái phiếu tăng vốn cấp 2 kỳ hạn 8 năm do các ngân hàng nhóm 1 phát hành có lãi suất 6,15%-6,25%. Tuy nhiên, lãi suất coupon giảm chủ yếu do lãi suất tham chiếu, thường là lãi suất tiền gửi 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của nhóm bốn ngân hàng quốc doanh, giảm mạnh. Biên lãi suất chỉ giảm nhẹ khoảng 20 điểm phần trăm so với cuối năm trước. Lợi tức trái phiếu doanh nghiệp bất động sản tiếp tục duy trì trong khoảng 10%-12%, và lợi tức trái phiếu các doanh nghiệp khác trong khoảng 9,5%-11%, tùy thuộc mức độ rủi ro của tổ chức phát hành. So với cuối năm 2022, mức giảm vào khoảng 200-300 điểm phần trăm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	8,81	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	1,07	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	9,88	7,01
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	143.304.007.478	89.900.883.497	59,40
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	13.468,95	12.257,45	9,88

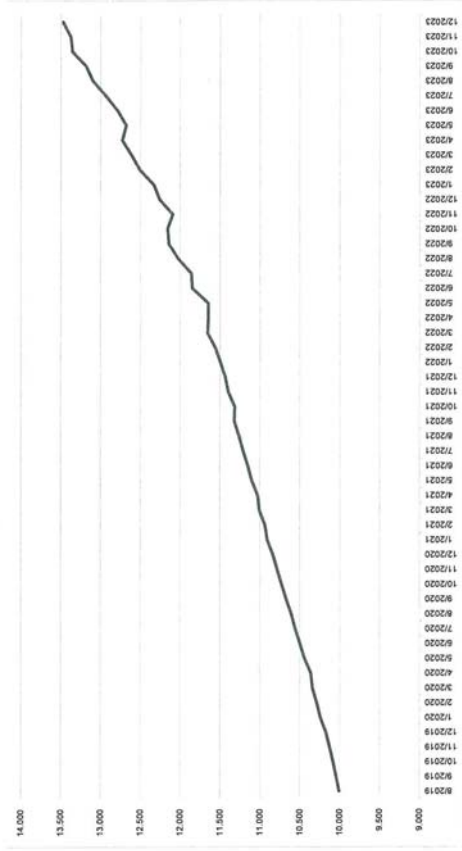
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (liếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (liếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (liếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	1.987	828.768,60	7,79
Từ 5.000 đến 10.000	60	439.433,12	4,13
Từ 10.000 đến 50.000	51	1.093.783,75	10,28
Từ 50.000 đến 500.000	14	1.777.319,27	16,70
Trên 500.000	2	6.500.271,98	61,10
Tổng cộng	2.114	10.639.576,72	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Được sang năm 2024, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi khi các yếu tố hỗ trợ và động lực tăng trưởng được duy trì trong khi các khó khăn thách thức được dự báo sẽ giảm dần tác động vào nửa cuối năm. Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng để thúc đẩy tăng trưởng, đặc biệt là khi đồng Đô la Mỹ ổn định do triển vọng cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và lạm phát nội địa vẫn ở trong tầm kiểm soát. Các ngân hàng thương mại có thể sẽ duy trì mức lãi suất huy động thấp trong bối cảnh thanh khoản dồi dào và nhu cầu tín dụng thấp. Do đó, lãi suất cho vay sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp và điều này sẽ hỗ trợ tiêu dùng và đầu tư.

Về chính sách tài khóa, Chính phủ chắc chắn sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công. Bên cạnh đó, vốn giải ngân trong năm nay sẽ có tác động sâu rộng hơn tới nền kinh tế khi nhiều dự án lớn khởi công sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng trong năm trước. Ngân sách hội phục nhanh chóng và là động lực tăng trưởng quan trọng trong năm 2023 nhưng còn nhiều dự địa phát triển khi Chính phủ có nhiều sáng kiến để thu hút du khách quốc tế như cấp thị thực điện tử và thị thực nhập cảnh nhiều lần. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, vốn đầu tư FDI, đặc biệt vào lĩnh vực sản xuất (2023: 23,5 tỷ USD, chiếm 64,2% trong tổng vốn FDI đăng ký và tăng 39,9% so với cùng kỳ) tăng mạnh trong các năm vừa qua. Các dự án này khi đi vào hoạt động sẽ tác động tích cực đến thị trường lao động và xuất khẩu.

Về khó khăn và thách thức, sự suy giảm của thương mại toàn cầu do chính sách tiền tệ thắt chặt của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới là trở lực chính đối với kinh tế Việt Nam đặc biệt là trong nửa đầu năm 2024. Tại Mỹ và Châu Âu, áp lực lạm phát đã hạ nhiệt đáng kể nhưng chỉ số CPI cơ bản trong tháng 12 2023 vẫn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2,0% của các ngân hàng trung ương. Do đó, Mỹ và Châu Âu sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt thêm một thời gian nữa. Điều này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến cầu tiêu dùng và thậm chí có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, nhưng kinh tế Mỹ và Châu Âu đang cho thấy sự chống chịu tốt và do vậy có khả năng cao là chỉ giảm tốc mà không suy thoái. Cho năm 2024, Fed dự báo kinh tế Mỹ tăng trưởng 1,4% (2023: +2,3%) trong khi Ngân hàng Trung ương Châu Âu dự báo kinh tế khu vực này tăng trưởng 0,8% (2023: +0,5%). Kinh tế Trung Quốc, thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam, cũng cho thấy khả năng chống chịu tốt mặc dù tăng trưởng GDP năm 2024 dự báo sẽ giảm xuống mức 4,6% so mức tăng trưởng 5,2% trong năm 2023. Nhìn chung, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam sẽ chứng kiến kinh tế tăng trưởng chậm lại trong năm 2024 và kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam được kỳ vọng sẽ dần phục hồi trên nền thấp và nhờ vào các dự án FDI mới như đã được đề cập ở trên.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Ngươi trừ trường hợp kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái, chúng tôi lạc quan về triển vọng của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024. Lợi nhuận của các công ty trong chỉ số VNIndex được dự báo tăng trưởng trở lại trên nền thấp và nhờ tăng trưởng kinh tế cao hơn và cụ thể là ở mức 26,9% theo tổng hợp của Bloomberg vào ngày 10/01/2024. Lợi nhuận doanh nghiệp hồi phục sẽ làm cho định giá cổ phiếu trở nên hấp dẫn hơn với hệ số P/E của VNIndex dựa trên dự báo lợi nhuận năm 2024 chỉ ở mức 12,5 lần¹, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân trung vị trong 10 năm qua là 16,6 lần. Bên cạnh đó, lãi suất huy động ở mức thấp sẽ làm gia tăng nhu cầu đầu tư vào cổ phiếu. Một điểm tích cực nữa là Chính phủ vẫn rất quyết tâm thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam và điều này sẽ giúp duy trì tâm lý lạc quan của nhà đầu tư.

Tuy vậy, tốc độ và mức hồi phục giữa các doanh nghiệp sẽ có sự chênh lệch đáng kể và mức hưởng lợi từ việc nâng hạng thị trường của các cổ phiếu là khác nhau. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu đã tăng mạnh trong năm 2023 và vì vậy các yếu tố tích cực này có khả năng đã được phản ánh phần lớn vào giá cổ phiếu. Do đó, mặc dù nhận định lạc quan về thị trường chứng khoán Việt Nam, chúng tôi cho rằng tìm kiếm được các cơ hội tốt trong năm 2024 là khá khó khăn nhưng cũng tin tưởng rằng chiến lược xây dựng một danh mục đa dạng gồm các công ty được lựa chọn kỹ và phân tích chuyên sâu của chúng tôi sẽ tiếp tục tạo ra mức lợi nhuận đã điều chỉnh rủi ro hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.




Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

¹ Bloomberg, ngày 10.01.2024



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quý Đầu Tư Trái Phiếu VCBF (“Quý”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quý đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quý cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quý đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quý phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuý Linh

Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quý

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ nghiệp vụ giám sát Quý

Số tham chiếu: 12841689/66979134

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 16 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Nguyễn Thị Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4207-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.520.125.769	7.429.573.501
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	9.558.612.169	7.975.391.255
04	1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	14	(129.390.577)	(202.592.910)
05	1.3 Chính sách tăng/giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	1.090.904.177	(343.224.844)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	15	5.272.303	10.872.777
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		4.942.303	10.872.777
15	2.2 Chi phí đầu tư khác		330.000	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.321.272.407	1.106.656.980
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	98.298.524	90.614.872
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	141.080.108	181.041.540
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	211.200.000	196.900.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	428.800.000	211.200.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		31.763.275	20.846.448
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		143.880.000	141.240.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	136.250.500	132.814.100
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		9.193.581.059	6.312.043.764
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.193.581.059	6.312.043.764
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		8.102.676.882	6.655.268.608
32	5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	5	1.090.904.177	(343.224.844)
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		9.193.581.059	6.312.043.764

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Đường Thị Hồng Nam
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	58.547.552.909	6.685.243.389
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		11.097.051.006	582.087.224
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		47.450.501.903	6.103.156.165
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	87.090.789.921	81.032.606.619
121	2.1 Các khoản đầu tư		87.090.789.921	81.032.606.619
130	3. Các khoản phải thu		2.056.680.177	2.400.303.376
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.056.680.177	2.400.303.376
134	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		-	138.000.000
136	3.1.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	2.056.680.177	2.262.303.376
100	TỔNG TÀI SẢN		147.695.023.007	90.118.153.384
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	-	41.693.845
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	9.536.320
316	3. Chi phí phải trả	8	71.280.000	71.280.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	9	4.232.293.850	24.433.177
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	10	67.441	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	87.374.238	62.826.545
320	7. Phải trả, phải nộp khác		-	7.500.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.391.015.529	217.269.887
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		143.304.007.478	89.900.883.497
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		106.395.767.200	73.343.825.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	160.812.538.200	110.841.803.500
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(54.416.771.000)	(37.497.977.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		11.618.219.202	460.617.580
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	25.290.021.076	16.096.440.017
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	13.468,95	12.257,45

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-QM


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	10.639.576,72	7.334.382,59


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục




Bà Đường Thị Hồng Nam
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024


Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF


BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ B03-QM
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu năm	89.900.883.497	90.742.562.006
II	Thay đổi NAV trong năm	9.193.581.059	6.312.043.764
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	9.193.581.059	6.312.043.764
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	44.209.542.922	(7.153.722.273)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	66.013.662.410	20.355.957.535
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(21.804.119.488)	(27.509.679.808)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	143.304.007.478	89.900.883.497


 Ông Lê Văn Trường
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


 Ông Vũ Văn Đông
 Tổng Giám đốc


 Bà Dương Thị Hồng Nam
 Người lập biểu


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)
I	Trái phiếu			87.090.789.921	58,97
1	Trái phiếu niêm yết			77.080.789.921	52,19
1.1	- CTD122015	16	1.009.867.680.000	16.157.882.880	10,95
1.2	- GEG121022	119.589	103.360.780	12.360.812.319	8,37
1.3	- MML121021	123.000	99.000.411	12.177.050.553	8,24
1.4	- MSN121013	20.000	100.000.000	2.000.000.000	1,35
1.5	- TNG122017	134.000	101.658.329	13.622.216.086	9,22
1.6	- VHM121025	100.000	100.646.476	10.064.647.600	6,81
1.7	- VIC121005	106.905	100.165.385	10.708.180.483	7,25
2	Trái phiếu chưa niêm yết			10.000.000.000	6,78
2.1	- VDS12306	50	100.000.000.000	5.000.000.000	3,39
2.2	- VDSH2324004	50	100.000.000.000	5.000.000.000	3,39
II	Các tài sản khác			2.056.680.177	1,39
1	Dự thu lãi trái phiếu			1.988.791.811	1,35
2	Dự thu lãi tiền gửi			67.888.366	0,04
III	Tiền			58.547.552.909	39,64
1	Tiền gửi ngân hàng			58.547.552.909	39,64
1.1	- Tiền gửi thanh toán			11.097.051.006	7,51
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			47.450.501.903	32,13
IV	Tổng giá trị danh mục			147.695.023.007	100,00

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Đường Thị Hồng Nam
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		9.193.581.059	6.312.043.764
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(1.098.404.177)	349.404.844
03	Trong đó:			
04	(Lãi)/ổ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(1.090.904.177)	343.224.844
04	Chi phí trích trước		(7.500.000)	6.180.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		8.095.176.882	6.661.448.608
20	(Tăng) các khoản đầu tư		(4.967.279.125)	(14.381.259.461)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		343.623.199	(531.587.033)
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(41.693.845)	32.873.781
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(9.538.320)	7.513.528
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		4.207.860.673	12.933.177
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		67.441	-
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		24.547.693	(13.721.023)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		7.652.766.598	(8.211.798.423)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	66.013.662.410	20.355.957.535
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(21.804.119.488)	(27.509.679.808)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		44.209.542.922	(7.153.722.273)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		51.862.309.520	(15.365.520.696)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	6.685.243.389	22.050.764.085
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		6.685.243.389	22.050.764.085
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		6.660.810.212	22.039.264.085
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		6.103.156.165	21.931.578.846
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		557.654.047	107.685.239
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		24.433.177	11.500.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	58.547.552.909	6.685.243.389
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		58.547.552.909	6.685.243.389
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		54.315.191.618	6.660.810.212
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		47.450.501.903	6.103.156.165
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		6.864.689.715	557.654.047
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		4.232.361.291	24.433.177
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		51.862.309.520	(15.365.520.696)

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Đường Thị Hồng Nam
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 5 tháng 6 năm 2023 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 đồng, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 106.395.767.200 đồng, tương đương với 10.639.576,72 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp mỗi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh lãi bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- v. Chứng khoán phải sinh niềm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- d. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phải sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - FIF;
- g. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d) và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.3).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ công lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trong thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong số tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong số tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá.
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong số tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}; Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua / Số lượng quyền mua sở hữu
Chứng khoán phải sinh		
13.	Chứng khoán phải sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phải sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phòng tòa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đại chúng (tiếp theo)

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2022 thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng áp dụng cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 7 năm 2022, 11.000.000 đồng một tháng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2022 và 16.000.000 đồng một tháng kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2022. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2022, giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Sau ngày 1 tháng 7 năm 2022, giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/ trên mỗi giao dịch.

3.8.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Từ 1 tháng 7 năm 2022, giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quý sử dụng phương pháp và các giá định như tại *Thuyết minh 22* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	6.864.689.715	557.654.047
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	4.232.361.291	24.433.177
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	47.450.501.903	6.103.156.165
	<u>58.547.552.909</u>	<u>6.685.243.389</u>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCFB**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-OM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch lãi VND	Chênh lệch đáng (giảm) VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (e)	76.495.462.001	77.090.789.921	753.825.313	(158.497.393)	595.327.920	77.090.789.921
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
	86.495.462.001	87.090.789.921	753.825.313	(158.497.393)	595.327.920	87.090.789.921
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	76.528.182.876	76.032.606.619	389.775.511	(885.351.768)	(495.576.257)	76.032.606.619
Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
	81.528.182.876	81.032.606.619	389.775.511	(885.351.768)	(495.576.257)	81.032.606.619
					1.090.904.177	

Anh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

(e) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccoms, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Công ty Cổ phần Vinhomes và Tập đoàn Vingroup - Công ty CP phát hành, kỳ hạn từ 3 đến 5 năm, lãi suất từ 9,275%/năm đến 13,780%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.

Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10,10%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10,10%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10,10%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10,10%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.

(b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành, kỳ hạn 1 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất từ 9,20%/năm đến 9,50%/năm, lãi trả hàng tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

6. DƯ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.988.791.811	2.168.256.491
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	67.888.366	9.909.899
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	84.136.986
	<u>2.056.680.177</u>	<u>2.262.303.376</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	-	41.693.845

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí kiểm toán	71.280.000	71.280.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	15.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	10.374.238	7.606.545
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	220.000
	87.374.238	62.826.545

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số dư cuối năm VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	11.084.180,35	4.997.073,47	16.081.253,82
Giá trị ghi theo mệnh giá	110.841.803.500	49.970.734.700	160.812.538.200
Thặng dư vốn	6.083.398.939	16.042.927.710	22.126.326.649
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	116.925.202.439	66.013.662.410	182.938.864.849
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(3.749.797,76)	(1.691.879,34)	(5.441.677,10)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(37.497.977.600)	(16.918.793.400)	(54.416.771.000)
Thặng dư vốn	(5.622.781.359)	(4.885.326.088)	(10.508.107.447)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(43.120.758.959)	(21.804.119.488)	(64.924.878.447)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.334.382,59	3.305.194,13	10.639.576,72
Giá trị vốn góp hiện hành	73.804.443.480	44.209.542.922	118.013.986.402
Lợi nhuận chưa phân phối	16.096.440.017	9.193.581.059	25.290.021.076
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	89.900.883.497		143.304.007.478
Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên 1 chứng chỉ quỹ	12.257,45		13.468,95

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	24.894.693.156	16.592.016.274
Lãi(lỗ) chưa thực hiện	595.327.920	(495.576.257)
	25.290.021.076	16.096.440.017

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lãi từ trái phiếu	8.468.650.910	7.426.886.946
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	583.290.411	415.000.000
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	505.343.946	132.222.077
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	1.326.902	1.282.232
	9.558.612.169	7.975.391.255

15. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay	
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quần gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND
Trái phiếu niêm yết	24.926.800.000	25.056.190.577
Chứng chỉ tiền gửi	11.000.000.000	11.000.000.000
	35.926.800.000	36.056.190.577
		(129.390.577)
		-
		(129.390.577)

	Năm trước	
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quần gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND
Trái phiếu niêm yết	28.999.200.000	29.201.792.910
		(202.592.910)

16. CHI PHÍ ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	4.927.303	9.250.275
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	-	1.613.502
Chi phí đầu tư khác	330.000	-
Chi phí thanh toán bù trừ	15.000	9.000
	5.272.303	10.872.777

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2023, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

(1) STT	(2) Tên công ty chứng khoán	(3) Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			(7) Phí giao dịch bình quân (%)	(8) Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			(4) Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (VND	(5) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (VND	(6)= (4)/(5) Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	Không liên quan	14.076.005.885	41.161.978.604	34,21	0,02	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	2.064.240.000	41.161.978.604	5,01	0,02	0,00 - 0,45
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt)	Không liên quan	9.012.330.000	41.161.978.604	21,89	0,02	0,00 - 0,45
4	Giao dịch chứng khoán không niêm yết		16.009.402.739	41.161.978.604	38,89	Không áp dụng	Không áp dụng
	Tổng		41.161.978.604		100,00		

(*) Giao dịch chứng khoán không niêm yết bao gồm trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch ngoài sàn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	174.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	7.700.000	5.720.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	<u>1.380.108</u>	<u>1.321.540</u>
	<u>141.080.108</u>	<u>181.041.540</u>

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Thủ lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí ngân hàng	8.750.500	5.314.100
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	<u>7.500.000</u>	<u>7.500.000</u>
	<u>136.250.500</u>	<u>132.814.100</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-OM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
Kỳ cuối Tháng 12/2022	89.900.983.497	7.334.382.59	12.257,45	
Kỳ 1 Tháng 1/2023	89.803.639.627	7.334.382,59	12.244,19	(13,26)
Kỳ 2 Tháng 1/2023	89.698.697.025	7.336.188,75	12.226,87	(17,32)
Kỳ 3 Tháng 1/2023	89.604.458.019	7.335.140,63	12.243,04	16,17
Kỳ 4 Tháng 1/2023	89.982.787.983	7.336.806,29	12.264,57	21,53
Kỳ 5 Tháng 1/2023	90.265.509.343	7.336.461,87	12.303,68	39,11
Kỳ 6 Tháng 1/2023	85.066.141.914	6.926.170,80	12.281,84	(21,84)
Kỳ 7 Tháng 1/2023	85.209.615.751	6.927.090,84	12.300,92	19,08
Kỳ 8 Tháng 1/2023	85.382.334.752	6.927.090,84	12.326,85	24,93
Kỳ cuối Tháng 1/2023	85.430.848.712	6.926.782,93	12.326,84	3,99
Kỳ 1 Tháng 2/2023	85.476.172.171	6.925.927,69	12.330,90	4,06
Kỳ 2 Tháng 2/2023	85.376.811.170	6.925.632,44	12.340,61	9,71
Kỳ 3 Tháng 2/2023	85.560.901.380	6.926.741,23	12.348,69	8,08
Kỳ 4 Tháng 2/2023	86.243.534.582	6.928.946,29	12.446,84	98,15
Kỳ 5 Tháng 2/2023	88.998.398.475	7.145.339,19	12.455,44	8,60
Kỳ 6 Tháng 2/2023	88.823.674.940	7.145.142,70	12.431,33	(24,11)
Kỳ 7 Tháng 2/2023	88.832.410.356	7.145.359,80	12.432,18	0,85
Kỳ 8 Tháng 2/2023	89.031.957.558	7.146.465,83	12.458,17	25,99
Kỳ cuối Tháng 2/2023	89.556.612.827	7.161.504,01	12.605,27	47,10
Kỳ 1 Tháng 3/2023	89.575.113.029	7.161.504,01	12.507,86	2,59
Kỳ 2 Tháng 3/2023	89.448.064.188	7.163.259,62	12.487,20	(20,66)
Kỳ 3 Tháng 3/2023	89.464.401.936	7.167.663,29	12.464,16	(3,02)
Kỳ 4 Tháng 3/2023	89.582.496.244	7.170.746,71	12.464,73	(0,57)
Kỳ 5 Tháng 3/2023	89.582.496.244	7.170.746,71	12.469,73	48,34
Kỳ 6 Tháng 3/2023	89.896.504.735	7.175.704,23	12.527,89	35,12
Kỳ 7 Tháng 3/2023	89.851.060.295	7.174.720,07	12.523,28	(4,61)
Kỳ 8 Tháng 3/2023	90.333.917.848	7.175.500,02	12.592,72	69,44
Kỳ 9 Tháng 3/2023	90.281.981.809	7.179.266,58	12.575,37	(17,35)
Kỳ cuối Tháng 3/2023	90.556.934.133	7.181.400,87	12.609,92	34,55

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-OM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (liếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (liếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2023	90.651.785.002	7.181.400,97	12.623,13	13,21
Kỳ 2 Tháng 4/2023	90.698.330.642	7.187.386,68	12.619,09	(4,94)
Kỳ 3 Tháng 4/2023	90.471.901.423	7.153.959,09	12.646,41	27,32
Kỳ 4 Tháng 4/2023	89.549.657.003	7.084.047,78	12.641,02	(5,39)
Kỳ 5 Tháng 4/2023	89.553.952.230	7.098.329,05	12.616,20	(24,82)
Kỳ 6 Tháng 4/2023	89.481.086.036	7.076.926,71	12.644,06	27,86
Kỳ 7 Tháng 4/2023	88.789.493.172	7.081.389,79	12.679,67	35,61
Kỳ 8 Tháng 4/2023	89.750.233.319	7.084.306,98	12.688,87	(10,80)
Kỳ cuối Tháng 4/2023	90.169.253.985	7.086.571,63	12.725,75	56,88
Kỳ 1 Tháng 5/2023	90.237.033.937	7.086.571,63	12.735,32	9,57
Kỳ 2 Tháng 5/2023	89.337.631.558	7.085.443,79	12.608,61	(126,71)
Kỳ 3 Tháng 5/2023	88.635.637.819	7.102.249,40	12.620,73	12,12
Kỳ 4 Tháng 5/2023	88.390.579.256	7.107.606,07	12.576,74	(43,99)
Kỳ 5 Tháng 5/2023	89.246.726.317	7.112.849,11	12.547,25	(29,49)
Kỳ 6 Tháng 5/2023	88.775.625.083	7.117.746,29	12.612,92	65,67
Kỳ 7 Tháng 5/2023	90.036.132.405	7.119.029,89	12.664,52	51,60
Kỳ 8 Tháng 5/2023	90.602.943.976	7.153.991,86	12.665,20	17,68
Kỳ cuối Tháng 5/2023	90.704.320.167	7.164.257,97	12.678,37	13,17
Kỳ 1 Tháng 6/2023	91.492.692.431	7.157.098,23	12.793,48	105,11
Kỳ 2 Tháng 6/2023	91.902.495.030	7.178.868,71	12.601,80	18,32
Kỳ 3 Tháng 6/2023	91.974.958.467	7.178.426,24	12.612,86	10,86
Kỳ 4 Tháng 6/2023	89.494.330.623	7.044.461,43	12.644,93	32,07
Kỳ 5 Tháng 6/2023	89.863.873.978	7.004.462,56	12.829,51	15,02
Kỳ 6 Tháng 6/2023	89.866.967.988	7.006.663,33	12.826,29	(3,22)
Kỳ 7 Tháng 6/2023	89.699.008.012	7.010.585,35	12.794,65	(31,64)
Kỳ 8 Tháng 6/2023	89.544.468.333	7.018.290,19	12.758,72	(35,93)
Kỳ cuối Tháng 6/2023	89.892.918.590	7.031.444,30	12.764,41	25,69

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2023	90.209.895.208	7.031.444,30	12.839,49	45,06
Kỳ 2 Tháng 7/2023	90.353.013.749	7.052.914,50	12.810,73	(18,76)
Kỳ 3 Tháng 7/2023	91.024.497.201	7.053.633,91	12.904,62	93,89
Kỳ 4 Tháng 7/2023	91.033.333.127	7.032.711,30	12.944,27	39,65
Kỳ 5 Tháng 7/2023	90.971.424.742	7.042.354,11	12.917,75	(26,52)
Kỳ 6 Tháng 7/2023	90.881.626.579	7.041.190,90	12.901,64	(16,11)
Kỳ 7 Tháng 7/2023	90.916.395.395	7.051.432,51	12.893,32	(8,32)
Kỳ 8 Tháng 7/2023	90.600.862.300	7.045.685,91	12.859,06	(34,26)
Kỳ cuối Tháng 7/2023	91.205.165.456	7.052.272,17	12.932,73	73,67
Kỳ 1 Tháng 8/2023	91.759.091.680	7.064.460,26	12.988,83	56,10
Kỳ 2 Tháng 8/2023	92.027.055.947	7.078.401,78	13.001,10	12,27
Kỳ 3 Tháng 8/2023	92.086.372.089	7.089.648,97	12.990,24	(10,86)
Kỳ 4 Tháng 8/2023	92.955.570.465	7.138.506,36	13.018,87	28,63
Kỳ 5 Tháng 8/2023	93.569.775.685	7.156.842,12	13.023,96	5,09
Kỳ 6 Tháng 8/2023	95.909.930.746	7.676.864,12	13.023,19	(7,77)
Kỳ 7 Tháng 8/2023	105.595.423.202	8.100.353,79	13.032,19	17,44
Kỳ 8 Tháng 8/2023	106.457.537.557	8.150.665,67	13.061,33	29,14
Kỳ 9 Tháng 8/2023	107.137.762.051	8.171.336,08	13.111,41	50,08
Kỳ cuối Tháng 8/2023	107.109.151.742	8.180.091,89	13.093,88	(17,53)
Kỳ 1 Tháng 9/2023	107.205.559.984	8.180.091,89	13.105,66	11,78
Kỳ 2 Tháng 9/2023	107.421.154.929	8.184.020,00	13.125,71	20,05
Kỳ 3 Tháng 9/2023	107.833.255.600	8.201.778,13	13.147,54	21,83
Kỳ 4 Tháng 9/2023	108.851.163.243	8.254.577,90	13.170,80	23,26
Kỳ 5 Tháng 9/2023	108.891.240.526	8.248.846,57	13.200,78	29,98
Kỳ 6 Tháng 9/2023	108.038.086.411	8.273.667,48	13.178,92	(21,86)
Kỳ 7 Tháng 9/2023	108.596.689.736	8.271.033,80	13.129,76	(49,16)
Kỳ 8 Tháng 9/2023	108.674.556.697	8.136.365,52	13.135,38	5,62
Kỳ cuối Tháng 9/2023	107.596.936.127	8.162.164,15	13.181,17	45,79

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-0M

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (liếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (liếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
Kỳ 1 Tháng 10/2023	107.612.297.269	8.162.164,15	13.184,28	3,11
Kỳ 2 Tháng 10/2023	108.165.326.889	8.105.569,31	13.198,02	13,74
Kỳ 3 Tháng 10/2023	107.924.224.412	8.143.298,37	13.253,13	55,11
Kỳ 4 Tháng 10/2023	108.933.576.509	8.210.519,24	13.267,56	14,43
Kỳ 5 Tháng 10/2023	109.508.200.692	8.238.971,65	13.291,48	23,92
Kỳ 6 Tháng 10/2023	109.630.484.211	8.289.541,21	13.246,28	(42,20)
Kỳ 7 Tháng 10/2023	110.150.366.945	8.303.550,25	13.265,45	16,17
Kỳ 8 Tháng 10/2023	110.474.184.214	8.321.044,74	13.276,47	11,02
Kỳ 9 Tháng 10/2023	110.717.855.476	8.309.624,58	13.324,05	47,58
Kỳ cuối Tháng 10/2023	111.102.900.019	8.321.136,18	13.351,89	27,84
Kỳ 1 Tháng 11/2023	111.050.196.321	8.321.136,18	13.350,36	(1,53)
Kỳ 2 Tháng 11/2023	112.400.429.134	8.405.428,75	13.370,77	20,41
Kỳ 3 Tháng 11/2023	112.736.831.962	8.447.010,63	13.346,35	(24,42)
Kỳ 4 Tháng 11/2023	113.070.165.789	8.500.162,22	13.356,97	(6,38)
Kỳ 5 Tháng 11/2023	113.807.165.789	8.585.789,77	13.268,97	(89,49)
Kỳ 6 Tháng 11/2023	115.432.951.679	8.673.449,23	13.308,77	41,80
Kỳ 7 Tháng 11/2023	116.117.898.497	8.719.615,41	13.316,86	8,09
Kỳ 8 Tháng 11/2023	117.201.401.699	8.752.261,43	13.390,98	74,12
Kỳ 9 Tháng 11/2023	116.492.703.648	8.690.172,19	13.405,10	14,12
Kỳ cuối Tháng 11/2023	115.371.826.587	8.627.321,47	13.372,84	(32,26)

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quy Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (liếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (liếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/giảm NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2023	115.554.514.447	8.627.321.47	13.394,01	21,17
Kỳ 2 Tháng 12/2023	117.194.247.225	8.726.703,56	13.429,38	35,37
Kỳ 3 Tháng 12/2023	117.232.263.182	8.745.938,40	13.404,19	(25,19)
Kỳ 4 Tháng 12/2023	118.393.210.575	8.810.690,67	13.437,44	33,25
Kỳ 5 Tháng 12/2023	120.005.690.222	8.966.996,94	13.383,03	(64,41)
Kỳ 6 Tháng 12/2023	120.499.733.692	8.992.567,07	13.399,92	16,89
Kỳ 7 Tháng 12/2023	121.570.769.874	9.023.784,56	13.472,25	72,33
Kỳ 8 Tháng 12/2023	122.327.814.254	9.064.896,40	13.464,82	(7,43)
Kỳ cuối Tháng 12/2023	143.304.007.478	10.639.676,72	13.468,85	4,13

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

98.289.477.009

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

(126,71)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(0,29)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Số cuối năm</u> <i>(chứng chỉ quỹ)</i>	<u>Số đầu năm</u> <i>(chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	<u>10.639.576,72</u>	<u>7.334.382,59</u>

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	<u>Năm nay</u> <i>(%)</i>	<u>Năm trước</u> <i>(%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,35	1,23
Tốc độ vòng quay danh mục	20,87	33,98

21.1 *Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

21.2 *Tốc độ vòng quay danh mục*

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 77.090.789.921 đồng. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 7.709.078.992 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 7.709.078.992 đồng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

22.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lượng tiền.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (liếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-0M

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	55.547.552.909	58.547.552.909	6.685.243.389	6.685.243.389
Các khoản phải thu	87.090.789.921	87.090.789.921	76.032.606.619	76.032.606.619
- Trái phiếu doanh nghiệp			5.000.000.000	5.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	2.056.680.177	2.056.680.177	2.400.303.376	2.400.303.376
Các khoản phải thu	147.695.023.007	147.695.023.007	90.118.153.384	90.118.153.384
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	-	41.693.845	41.693.845
Chi phí phải trả	71.280.000	71.280.000	71.280.000	71.280.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4.232.293.850	4.232.293.850	24.433.177	24.433.177
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	67.441	67.441	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	87.374.238	87.374.238	62.826.545	62.826.545
Phải trả, phải nộp khác	-	-	7.500.000	7.500.000
	4.391.015.529	4.391.015.529	207.733.567	207.733.567

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do không công cụ này có lý do nghi ngờ.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3.*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B08-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	<u>98.298.524</u>	<u>90.614.872</u>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	<u>10.374.238</u>	<u>7.606.545</u>

b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Thù lao Ban Đại diện Quỹ không có số dư tại thời điểm cuối năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
(tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,24	46,99	5.413.870,24	73,81
Bên liên quan khác		227.268,11	2,14	260.702,58	3,55
		5.227.268,35	49,13	5.674.572,82	77,36

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng áp dụng cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 7 năm 2022, 11.000.000 đồng một tháng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2022 và 16.000.000 đồng một tháng kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2022, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký trước ngày 1 tháng 7 năm 2022 là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, trước ngày 1 tháng 7 năm 2022 thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng; từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2022, giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC
 (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá dịch vụ giám sát	211.200.000	196.900.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	174.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	7.700.000	5.720.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	426.800.000	211.200.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.326.902	1.282.232
Phí ngân hàng	8.750.500	4.214.100

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền gửi thanh toán	11.097.051.006	582.087.224
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	220.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	15.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B06-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quý và Danh mục



Ông Võ Quang Đông
Tổng Giám đốc


Bà Đường Thị Hồng Nam
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024